

Chiến lược tài chính 2011-2020: Bối cảnh mới, nhiệm vụ mới

ThS. NGUYỄN DOãn TOÀN

Chiến lược tài chính (CLTC) của Nhà nước trong giai đoạn đầu phát triển thường nhằm khơi thông các luồng vốn cho phát triển kinh tế - xã hội. Do nguồn lực luôn có hạn trong khi nhu cầu lại rất lớn, nên cùng với vấn đề huy động các nguồn lực tài chính, CLTC thực hiện phân tích, đánh đổi giữa các ưu tiên khác nhau trong giới hạn nguồn lực, nhằm đạt được các mục tiêu đặt ra một cách hợp lý nhất. CLTC do vậy không chỉ dừng ở các vấn đề tài chính, mà khắc họa quan điểm của Chính phủ về các vấn đề kinh tế xã hội của đất nước.

Khái niệm CLTC

Chiến lược là mưu lược, mưu sách để thực hiện một mục tiêu phát triển trong dài hạn. CLTC chính là mưu lược, mưu sách về tài chính để đạt được các mục tiêu tài chính với tư cách là công cụ chèo lái thực hiện các mục tiêu KT - XH của đất nước. Các mưu lược, mưu sách về tài chính suy cho cùng chính là các cách thức, phương thức trong huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực tài chính và phân phối các thành quả đạt được thành các nguồn lực tài chính cho chu trình sản xuất, kinh doanh tiếp theo.

CLTC chứa đựng trong đó các mục tiêu, ưu tiên của chính phủ là một công cụ đặc lực truyền tải, định hướng các hoạt động tài chính trong nền kinh tế hướng tới các mục tiêu kinh tế, xã hội, chính trị của đất nước. Không dừng lại ở đó, CLTC còn là công cụ phối hợp hoạt động của các lĩnh vực, các bộ ngành, các cấp chính quyền... đảm bảo các hoạt động tài chính diễn ra một cách nhất quán, trong một khuôn khổ nhất định.

CLTC cũng là một công cụ kiểm soát, giám sát và củng cố trách nhiệm giải trình của các cơ quan, bộ, ngành, các địa phương, chính phủ, là cơ sở để công chúng kiểm tra, giám sát và đánh giá động cơ hành động

của các đại diện của mình, cũng như hoạt động của hệ thống các cơ quan hành pháp.

Chính vì vậy, CLTC thường được xem là một công cụ quan trọng đối với các nền kinh tế đang trong giai đoạn phát triển.

CLTC 2001-2010 và những thành quả đạt được

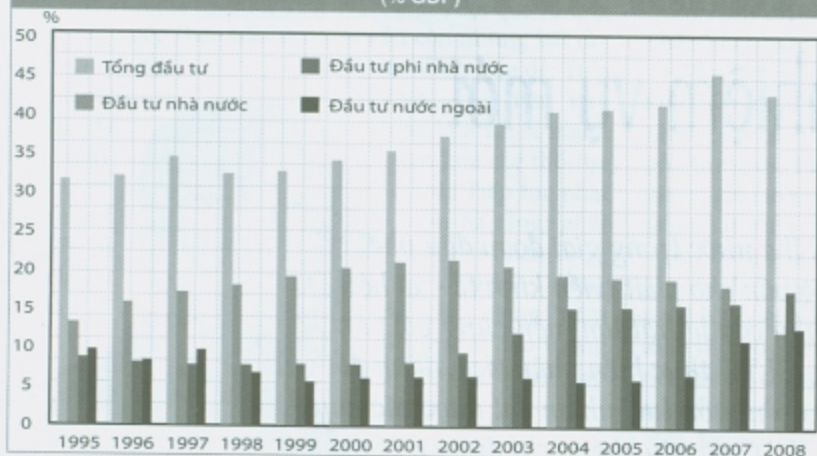
Mặc dù đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận kể từ khi thực hiện "đổi mới", song vào năm 1998, tỷ lệ hộ nghèo tính theo chuẩn quốc tế vẫn trên 37% và vào năm 2001, thu nhập bình quân đầu người của nước ta cũng chỉ đạt 413 USD (giá thực tế), bằng 1/2 thu nhập bình quân đầu người của Trung Quốc, thấp hơn 1/4 thu nhập bình quân đầu người của Thái Lan, 1/9 thu nhập bình quân đầu người của Ma-lai-xi-a, 1/24 thu nhập bình quân đầu người của Hàn Quốc... Chính vì vậy, các chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế 10 năm qua đều đặt trọng tâm vào tăng trưởng kinh tế cao và giải quyết công ăn việc làm thông qua đầu tư vốn vật chất theo mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng. Đây là mô hình kinh tế được áp dụng phổ biến trong giai đoạn đầu phát triển, nhằm giải quyết các nhu cầu kinh tế cơ bản, phục vụ đời sống sinh hoạt thiết yếu của dân chúng. Đầu tư hạ tầng kinh

tế cũng là các điều kiện tiên quyết cho quá trình phát triển tiếp theo của đất nước.

Mục tiêu của CLTC trong bối cảnh đó là "Đảm bảo tiềm lực tài chính quốc gia đủ mạnh để chủ động thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả và bền vững, có khả năng kiểm soát lạm phát, ổn định tiền tệ, giá cả và thị trường; Hệ thống chính sách động viên, phân phối tài chính công bằng, tích cực, năng động, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, có đủ khả năng khai thác nội lực, thu hút ngoại lực và sử dụng hiệu quả toàn bộ nguồn lực của đất nước; Xây dựng nền tài chính quốc gia lành mạnh, công khai, minh bạch, dân chủ, được kiểm toán, kiểm soát, làm cho tài chính trở thành thước đo hiệu quả mọi hoạt động kinh tế; Năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước về tài chính được tăng cường và đổi mới trên cơ sở đẩy mạnh cải cách hành chính, hiện đại hoá công cụ và đội ngũ cán bộ quản lý tài chính; Củng cố và nâng cao vị thế tài chính Việt Nam trong quan hệ quốc tế trên cơ sở bảo đảm độc lập tự chủ và an ninh tài chính quốc gia".

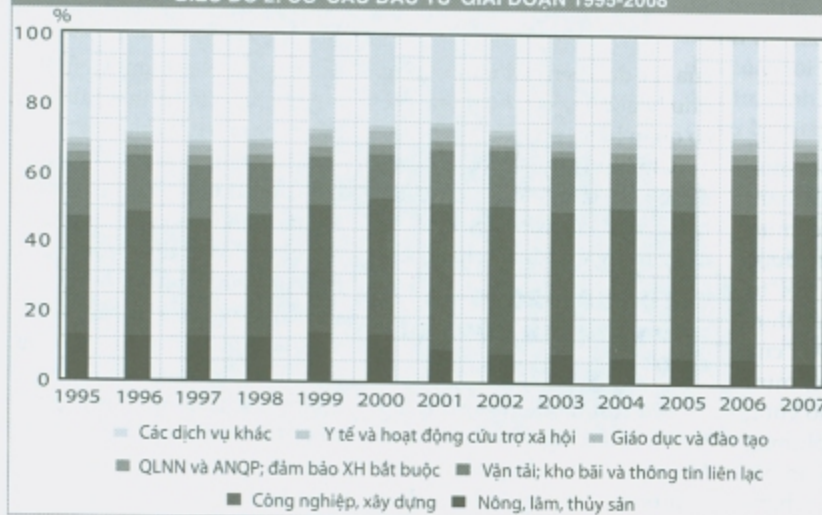
Có thể khẳng định: Đẩy mạnh cải cách thể chế tài chính theo hướng thị trường, phù hợp với bối cảnh nền kinh tế đã góp phần quan trọng trong việc tạo

BIỂU ĐỒ 1: CƠ CẤU TỔNG VỐN ĐẦU TƯ XÃ HỘI THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ (% GDP)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

BIỂU ĐỒ 2: CƠ CẤU ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 1995-2008



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê và Trung tâm Phân tích và Dự báo quốc gia - Bộ Kế hoạch và Đầu tư

lập môi trường vĩ mô tương đối ổn định, thông thoáng, góp phần khai thông và hướng các nguồn lực trong và ngoài nước vào phát triển các ngành nghề sản xuất kinh doanh sử dụng nhiều lao động, góp phần quyết định đối với các thành quả về tăng trưởng, việc làm, cải thiện đáng kể thể và lực của nền tài chính quốc gia, tăng cường ổn định chính trị xã hội.

Tổng vốn đầu tư xã hội đã tăng mạnh, từ dưới 20% vào những năm 1995, 1996 lên tới trên 45% vào năm 2007, đưa Việt Nam trở thành một trong các quốc gia có mức đầu tư xã hội cao nhất trên thế giới. Trong tổng vốn đầu tư xã hội, vốn đầu tư khu vực Nhà nước vẫn duy trì vai trò chủ đạo, với tỷ trọng bình quân giai đoạn 2001-2005 là 53% và khoảng 45% giai đoạn 2006-2009. Trong khi đó, vốn đầu tư khu vực tư nhân đã có sự bứt phá ngoạn mục, từ mức 22,9%, 25,3% tổng

đầu tư xã hội các năm 2001, 2002 vọt lên 31% năm 2003 và duy trì ở mức trên 35% trong những năm gần đây. Tính trung bình cả giai đoạn 2001-2009, đầu tư tư nhân chiếm khoảng 1/3 tổng đầu tư xã hội. Nguồn vốn đầu tư nước ngoài chịu ảnh hưởng đáng kể của khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997 và khủng hoảng tài chính toàn cầu giai đoạn 2007-2008, nhưng cũng đạt mức khá cao.

Nguồn vốn đầu tư xã hội tập trung chủ yếu vào xây dựng hạ tầng kinh tế, với tỷ trọng luôn chiếm trên 60%, trong đó ngành công nghiệp, xây dựng chiếm trên 40% tổng đầu tư xã hội, ngành vận tải kho bãi và thông tin liên lạc phục vụ sản xuất kinh tế và ngành nông, lâm, ngư nghiệp chiếm trên 20%.

Đầu tư xã hội tăng mạnh, tập trung vào các ngành nghề sử dụng nhiều lao động đã có đóng góp quan

trọng cho tăng trưởng kinh tế và giải quyết công ăn việc làm thời gian qua. Tăng trưởng kinh tế đạt 7,51% giai đoạn 2001-2005 (so với 6,59% giai đoạn 1996-2000) và đạt 7% giai đoạn 2006-2009 bất chấp khủng hoảng tài chính toàn cầu làm thu hẹp toàn bộ các hoạt động thương mại, đầu tư và tăng trưởng kinh tế thế giới (tăng trưởng kinh tế thế giới từ trên 5% năm 2007 giảm xuống 3% năm 2008 và dự kiến là -1,1% năm 2009). Bình quân hàng năm tạo được khoảng 1,6 triệu việc làm mới, đưa tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị từ 6,8% năm 1998 xuống 4,64% năm 2007; 4,65% năm 2008.

Theo tính toán của Tổng cục Thống kê, đóng góp của vốn và lao động vào tăng trưởng kinh tế, mặc dù giảm, nhưng hiện vẫn ở các mức tương ứng là 52,73% và 19,07%. Nếu tính cả hai yếu tố này, thì tới 70% tăng trưởng kinh tế là nhờ vào đầu tư vốn và lao động.

Bên cạnh tập trung đầu tư phát triển kinh tế, CLTC 2001-2010 cũng định hướng nguồn lực vào các dịch vụ xã hội cơ bản và xoá đói giảm nghèo. Chi NSNN cho giáo dục, y tế liên tục tăng thời gian qua. Nếu tính toàn bộ các khoản chi cho giáo dục, y tế từ các nguồn thu NSNN và nguồn trái phiếu chính phủ, thì chi giáo dục chiếm 20% tổng chi NSNN, chi y tế chiếm 10% tổng chi NSNN. Chi an sinh xã hội (chi hỗ trợ lao động trên thị trường lao động, chi các chương trình xoá đói giảm nghèo; chi hệ thống bảo hiểm y tế; bảo hiểm xã hội; chi trợ cấp đột xuất và trợ cấp thường xuyên...) bình quân giai đoạn 2004-2008 chiếm trên 9% tổng chi NSNN hàng năm. Cùng với chủ trương xã hội hóa, việc cung cấp các dịch vụ xã hội, nguồn vốn đầu tư cho giáo dục, y tế, văn hóa, khoa học công nghệ... đều được cải thiện đáng kể. Cho tới nay, phần lớn các mục tiêu Thiên niên kỷ cam kết đã được thực hiện; hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục phổ thông cơ sở, giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống 18%, tạo công ăn việc làm cho khoảng 1,6 triệu lao động hàng năm, giảm hơn một nửa hộ nghèo giai đoạn 2002-2009, thiết lập và mở rộng diện bao phủ của hệ thống bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội...

Nói tóm lại, trong 10 năm qua, ngành Tài chính đã hoàn thành được

sứ mệnh khuyến khích, khơi thông và hướng nguồn lực vào phát triển kinh tế, giải quyết các vấn đề bức xúc của đất nước, góp phần quyết định đối với công cuộc đổi mới kinh tế nói chung, các thành tựu về tăng trưởng kinh tế và xóa đói giảm nghèo. Với mức thu nhập bình quân đầu người trên 1000 USD và tỷ lệ nghèo khoảng 12% vào năm 2010, nền kinh tế VN không chỉ thoát ra khỏi tình trạng thu nhập thấp mà còn có những cải thiện rõ rệt trong ổn định chính trị xã hội.

CLTC 2011-2020: Hướng tới chất lượng tăng trưởng

Bối cảnh mới, thách thức mới

● Đất nước bước vào giai đoạn 2011-2020 với một vị thế hoàn toàn mới, ở vào nhóm các nước thu nhập trung bình. Bên cạnh đó, các điều kiện KT - XH trong và ngoài nước cũng có nhiều thuận lợi. Trong nước, quá trình đổi mới đã thiết lập được một khung thể chế tài chính định hướng thị trường, hình thành hệ thống hạ tầng kinh tế xã hội thiết yếu. Đổi mới, mở cửa nền kinh tế cũng đã khơi thông được thị trường hàng hóa, dịch vụ và tài chính trong nước, ở khu vực và trên thế giới. Ổn định chính trị, xã hội cũng được tăng cường. Bên ngoài, xu hướng hoà bình, hợp tác và phát triển là xu hướng chủ đạo. Hậu khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2007 và những cải cách cơ cấu tài chính, kinh tế sẽ tạo những động lực phát triển mới trong 10 năm tới. Sự phát triển của các liên kết kinh tế khu vực và sự trỗi dậy của Trung Quốc, Ấn Độ cũng như một số quốc gia khác như Bra-xin, Nga đã và sẽ tạo ra một thế giới đa cực, tạo điều kiện và thúc đẩy cạnh tranh toàn cầu hơn nữa. Tiến bộ khoa học kỹ thuật, đặc biệt là công nghệ

thông tin, công nghệ sinh học tạo nên những cơ hội chưa từng có đối với các nước đi sau như Việt Nam. Sự dịch chuyển tâm điểm của phát triển kinh tế thế giới sang khu vực châu Á - Thái Bình Dương cũng mang đến những thuận lợi đáng kể cho đất nước trong giai đoạn 2011-2020.

● Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam cũng đối mặt với hàng loạt thách thức. Các yếu kém nội tại của nền kinh tế, các khó khăn trong giai đoạn hậu khủng hoảng tài chính toàn cầu và vị thế của một nước thu nhập trung bình đặt nền kinh tế trước những thách thức hoàn toàn mới.

Các yếu kém nội tại của nền kinh tế: Mặc dù đạt được các mục tiêu đặt ra, song nền tài chính nước nhà hiện vẫn đang đối mặt với những khó khăn gay gắt. Cơ chế bao cấp đã được xóa bỏ, hệ thống thể chế tài chính định hướng thị trường được thiết lập, nhưng còn sơ khai. Tính chất đòn bẩy, khuyến khích của hệ thống thể chế tài chính còn hạn chế, các thành quả về tài chính phần nhiều mới chỉ dừng ở mặt lượng. Chi phí đầu tư có xu hướng tăng mạnh do các nút thắt cổ chai về hạ tầng giao thông, về nguồn nhân lực có kỹ năng, về khoa học công nghệ và do mô hình đầu tư theo chiều rộng luôn tạo áp lực lạm phát cao trong khi sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp...

Hậu khủng hoảng - Cạnh tranh thế giới gay gắt hơn, khốc liệt hơn: Trong kinh tế thế giới xuất hiện nhiều dấu hiệu cho thấy quá trình phục hồi đã bắt đầu. Tuy nhiên, khủng hoảng tài chính đã làm xấu đi đáng kể tình hình tài chính của khu vực hộ gia đình và chính phủ. Nợ chính phủ của các nước phát triển so với GDP dự báo tăng từ mức 75% năm 2008 lên 115% vào năm 2014. Do vậy, củng cố và

lành mạnh hóa tài chính của khu vực hộ gia đình và Chính phủ là các ưu tiên trong thời gian trước mắt. Do cấu trúc khu vực hộ gia đình, khu vực chính phủ khó có khả năng cải thiện trong ngắn hạn, nên cầu đầu tư cũng khó có thể bứt phá. Cộng với các rào cản từ các gói kích thích kinh tế, cạnh tranh thế giới sẽ khốc liệt hơn trong thời gian tới.

Bẫy thu nhập trung bình: Ở vào nhóm các nước thu nhập trung bình, Việt Nam sẽ đối mặt với bẫy thu nhập trung bình. Theo đó, khả năng cạnh tranh của Việt Nam sẽ bị chặn ở cả hai đầu. Phía dưới, các nước có thu nhập thấp với các điều kiện phát triển kinh tế sơ khai hơn sẽ có các lợi thế hơn hẳn về chi phí lao động, cũng như các chi phí hạ tầng khác như giao thông, vận chuyển, bến bãi... Phía trên, các nước phát triển với trình độ, công nghệ hiện đại có ưu thế hơn hẳn về chất lượng, đẳng cấp và thương hiệu sản phẩm, hàng hóa.

Trong bối cảnh như vậy, nếu CLTC 2011-2020 không có những cải cách mang tính đột phá, thì khó có thể cải thiện sức cạnh tranh của nền kinh tế, tiếp tục con đường phát triển trong bối cảnh mở cửa theo các cam kết AFTA, WTO.

Nhiệm vụ của CLTC 2011-2020

Ngoài mục tiêu CNH - HDH nền kinh tế vào năm 2020, vấn đề mà đất nước theo đuổi chắc chắn là tiếp tục phát triển KT - XH, từng bước đưa đất nước lên các nấc thang tiếp theo của quá trình phát triển.

Vấn đề cốt lõi đối với quá trình phát triển của đất nước giai đoạn tới nằm ở chất lượng của quá trình phát triển, mà trọng tâm là cải thiện chất lượng sản phẩm, hàng hóa và hạn chế sự gia tăng chi phí, giá thành sản xuất sản phẩm, hàng hóa. Chất lượng hàng hóa phải được cải thiện ở mức đủ để bù đắp chi phí, giá thành sản xuất cao hơn trong điều kiện, bối cảnh của nước ta để có thể cạnh tranh được với các nước đi sau hiện đang có lợi thế hơn chúng ta về chi phí sản xuất. Đồng thời những áp lực gia tăng chi phí sản xuất cũng phải được hạn chế ở mức đủ để có thể bù trừ cho chất lượng hàng hóa thấp hơn của ta sao cho có thể cạnh tranh được với các nước phát triển, với các lợi thế hơn hẳn về chất lượng, thương hiệu sản phẩm, hàng hóa.

BIỂU ĐỒ 3: TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ TỶ LỆ THẤT NGHIỆP KHU VỰC THÀNH THỊ



Nguồn: Tổng cục Thống kê

CLTC giai đoạn 2011-2020 do đó phải hướng vào chất lượng của tăng trưởng hơn là số lượng tăng trưởng. Bối cảnh hiện nay không cho phép đầu tư phát triển kinh tế theo chiều rộng hơn nữa vì các nút thắt sẽ làm tăng mạnh chi phí sản xuất. Tuy nhiên, phát triển về chất không đơn giản chỉ là dịch chuyển nguồn lực xã hội vào phát triển khoa học công nghệ (KH-CN), vào phát triển nguồn nhân lực, vào kỹ năng quản lý, quản trị... Vấn đề cơ bản của cải thiện chất lượng trong bối cảnh mở cửa là phát triển nhân lực, KH-CN, kỹ năng quản lý, quản trị... đáp ứng nhu cầu về chất lượng, giá thành hàng hóa theo

trường, cũng cần phải có những đổi mới hơn nữa hệ thống thu NSNN. Cần phải tách bạch các chế độ thu với các cơ chế phúc lợi xã hội. Để thực sự tạo ra các động cơ, động lực lao động, sản xuất, thì hệ thống thu không chỉ phải đảm bảo hài hòa lợi ích giữa ba bên Nhà nước - Chủ DN - Người lao động mà đồng thời phải đảm bảo các chế độ chi trả tiền lương/tiền công/thu nhập theo kết quả lao động. Những chênh lệch về thu nhập lao động cần phải được thừa nhận và chỉ có như vậy mới có khả năng tăng thu nhập của nhóm lao động có kỹ năng, thu hút nhân tài, đảm bảo phát triển một số lĩnh vực làm đầu tàu, bệ

tới các khuyến khích, các động cơ lao động. Muốn vậy, phải thực hiện đổi mới hệ thống an sinh xã hội, tăng cường cơ chế tự trang trải đối với các chế độ, chính sách xã hội. NSNN chỉ tập trung vào các chính sách, xã hội áp dụng đối với các đối tượng xã hội đặc biệt như người khuyết tật, các vấn đề xã hội đột xuất, chưa thuộc các chương trình, chính sách xã hội hiện hành...

Cùng với việc tạo ra môi trường cho cơ chế thị trường hoạt động; tạo ra các động cơ, khuyến khích tăng năng suất, chất lượng lao động, thì cần phải cải thiện hạ tầng KT - XH, hạn chế sự gia tăng chi phí sản xuất, kinh doanh của nền kinh tế. Tuy nhiên, cũng như các vấn đề về nguồn nhân lực, về KH-CN, ở đây không chỉ đơn giản là tăng cường huy động vốn đầu tư vào các nút thắt, vì nếu không có tầm nhìn dài hạn, bao quát, thì tập trung giải quyết được nút thắt này sẽ lại dẫn đến nút thắt khác. CLTC phải tính đến các nhu cầu về hạ tầng KT - XH trong dài hạn và có cơ chế định hướng nguồn lực phát triển đồng bộ hạ tầng KT - XH phù hợp với mục tiêu phát triển lâu dài của nền kinh tế. CLTC phải xem đây là công cụ trong định hướng, hỗ trợ nền kinh tế. Thông qua việc phát triển hạ tầng KT - XH, CLTC tạo môi trường, điều kiện lôi kéo các nguồn lực xã hội vào các ngành nghề, vùng miền nhất định. Cũng thông qua việc phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế xã hội, CLTC có tác động đáng kể trong việc hạn chế sự gia tăng chi phí, giá thành sản phẩm, chủ động đối phó với các thay đổi cơ cấu có tác động tới chi phí, giá thành sản phẩm, dịch vụ. Do nguồn lực luôn có hạn và có sự đánh đổi giữa các mục đích sử dụng, nên để phát triển được hệ thống hạ tầng KT - XH phù hợp với mục tiêu phát triển dài hạn cần phải có cơ chế ưu tiên hóa, thay cho cơ chế phân bổ theo kiểu phân chia, dàn

• Xem tiếp tr. 20

10 năm qua, ngành Tài chính đã hoàn thành được sứ mệnh khuyến khích, khơi thông và hướng nguồn lực vào phát triển kinh tế, giải quyết các vấn đề bức xúc của đất nước, góp phần quyết định đối với công cuộc đổi mới kinh tế nói chung, các thành tựu về tăng trưởng kinh tế và xóa đói giảm nghèo.

nhu cầu của thị trường. Do vậy, cần phải có những cải cách thể chế hơn nữa, cho phép cơ chế thị trường định hướng và kỷ luật thị trường hoạt động, với các mức độ lợi ích/thiệt hại đúng đắn đối với mỗi quyết định.

Những cải cách do vậy phải nhằm vào việc cơ cấu lại khu vực tài chính, xác định lại vai trò của tài chính nhà nước và cơ chế can thiệp của Nhà nước. Nhà nước có thể có các cơ chế khuyến khích đào tạo, phát triển khoa học, công nghệ, nhưng phát triển như thế nào phải do các tác nhân kinh tế quyết định và các tác nhân này phải gánh chịu phần lớn các chi phí có liên quan nhằm hạn chế sự lạm dụng, hạn chế việc đào tạo nguồn nhân lực, đổi mới KH-CN không phù hợp với nhu cầu thị trường như thời gian qua.

Liên quan tới kỷ luật thị

phóng cho nền kinh tế. Các chênh lệch trong xã hội có thể gia tăng. Tuy nhiên, đây là thực trạng chung của nhiều nước phát triển thành công.

Cùng với việc hình thành các cơ chế cho phép chi trả theo lao động, vấn đề cơ bản là phải phát triển được một hệ thống an sinh xã hội đảm bảo các điều kiện sinh sống tối thiểu cho mọi thành viên xã hội trước những biến động KT - XH trong và ngoài nước và tăng dần mức sống tối thiểu theo sự phát triển của xã hội, hơn là kéo hẹp khoảng cách thu nhập trong xã hội.

Để có một môi trường tài chính, môi trường vĩ mô lành mạnh và thực sự hình thành được một hệ thống an sinh xã hội hiệu quả, thì đồng thời phải đảm bảo tính bền vững của hệ thống và đảm bảo rằng hệ thống an sinh xã hội không tạo ra các tác động tiêu cực quá mức

khẩu của 2 nhóm này giảm cũng làm kim ngạch giảm trên 2,3 tỷ USD... Không những vậy, năm 2010, xuất khẩu Việt Nam sẽ phải đối mặt thêm nhiều rào cản thương mại mới. Bắt đầu từ ngày 1/1/2010, EU sẽ áp dụng Quy định về khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) đối với thủy sản đánh bắt.

Đạo luật "Cải tiến an toàn sản phẩm tiêu dùng (CPSIA) đối với các mặt hàng dệt may" cũng sẽ được Hoa Kỳ áp dụng vào ngày 10/2/2010. Theo đó, bất cứ lô hàng dệt may nào xuất khẩu vào Hoa Kỳ đều phải kèm theo giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn an toàn được đánh giá bởi một đơn vị độc lập (được Ủy ban An toàn sản phẩm tiêu dùng Hoa Kỳ công nhận). Việc Hoa Kỳ áp dụng một số chính sách mang tính chất bảo hộ, đưa ra những quy định như những rào cản kỹ thuật sẽ là những trở ngại chung với tất cả các nước xuất khẩu vào Hoa Kỳ, trong đó có Việt Nam...

Cùng với việc đặt mục tiêu xuất khẩu năm 2010 ở mức 59,9 tỷ USD (tăng 6%) so với năm 2009, Bộ Công Thương dự kiến kim ngạch nhập khẩu năm 2010 vào khoảng 74,4 tỷ USD, tăng 9% so với năm 2009. Không chế nhập siêu hàng hóa năm 2010 khoảng 14,5 tỷ USD (bằng mức nhập siêu năm 2007) tỷ trọng nhập siêu/xuất khẩu ở mức 24,3%.

Theo Bộ Công Thương, tăng trưởng nhập khẩu năm 2010 khó có thể thấp hơn 9% vì kinh tế thế giới phục hồi, nhu cầu và giá cả hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu tiếp tục tăng (giá dầu thô hiện trong khoảng 70-80 USD/thùng, tăng mạnh so với các tháng đầu năm 2009). Giá bình quân nhập khẩu nhiều mặt hàng các tháng cuối năm 2009 tăng mạnh so với các tháng đầu năm, đặc biệt một số mặt hàng có giá tăng mạnh như dầu thô, sắt thép, phân bón, chất dẻo. Nếu lấy giá các tháng cuối năm 2009 để tạm tính cho năm 2010 (giá bình quân 3 tháng cuối năm tăng khoảng 10% so

với bình quân cả năm 2009) thì với lượng nhập khẩu không thay đổi, kim ngạch nhập khẩu năm 2010 cũng sẽ tăng khoảng 10% hoặc hơn.

Để kiểm soát nhập siêu, Bộ Công Thương cho biết sẽ tiếp tục áp dụng các biện pháp mạnh tay như: Tiếp tục kiểm soát và hạn chế cho vay nhập khẩu hàng tiêu dùng; Chỉ đạo các ngân hàng thương mại hạn chế tối đa việc cấp ngoại tệ và cho vay VND để nhập khẩu ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống, điện thoại di động và thực phẩm; Hạn chế cho vay tiêu dùng trong nước đối với ô tô, hàng tiêu dùng. Căn cứ theo tình hình cụ thể, Bộ Công Thương sẽ tiếp tục quản lý nhập khẩu bằng giấy phép tự động để kiểm soát nhập khẩu đối với các mặt hàng tiêu dùng, đồng thời đề nghị các bộ, ngành có liên quan "vào cuộc" để hạn chế nhập siêu.

Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, nhập khẩu năm 2010 sẽ khó tăng trưởng thấp hơn 9% kể cả trong trường hợp áp dụng quyết liệt các biện pháp nhằm hạn chế nhập siêu. Hơn nữa, các biện pháp kiểm chế nhập siêu hiện chưa "hóa giải" ngay

được nguyên nhân chính dẫn tới nhập siêu là ở cơ cấu nhập khẩu. Hiện nay, các biện pháp nhằm hạn chế nhập siêu chủ yếu tập trung vào nhóm các mặt hàng hạn chế nhập khẩu (hàng tiêu dùng): ô tô nguyên chiếc dưới 9 chỗ, linh kiện ô tô dưới 9 chỗ, linh kiện và phụ tùng xe gắn máy. Tuy nhiên, tỷ trọng của nhóm này rất thấp, chỉ chiếm 8,8% trong tổng kim ngạch nhập khẩu. Đối với nhóm mặt hàng cần phải kiểm soát gồm các mặt hàng: sản phẩm từ thép, đá quý, kim loại quý, hàng hóa khác cũng mới chiếm tỷ trọng 8,6% tổng kim ngạch nhập khẩu. Trong khi đó, nhóm hàng cần nhập khẩu chiếm tỷ trọng 82,6%, gấp 10 lần nhóm hàng hạn chế nhập siêu lại khó áp dụng các biện pháp hạn chế nhập khẩu. Dự kiến, kim ngạch nhập khẩu năm 2010 của nhóm hàng này sẽ đạt 61,8 tỷ USD, tăng 9,6% so với năm 2009. Với những phân tích trên, có thể thấy việc áp dụng các biện pháp để giảm nhập siêu sẽ không thể đem lại kết quả như mong muốn ngay trong năm 2010.

• Tiếp theo tr. 16

móng nguồn lực và phải có cơ chế phân bổ/định hướng nguồn lực có tính hệ thống vào thực hiện các ưu tiên đặt ra thay cho cơ chế phân bổ ngắn hạn, hàng năm hiện nay. Bên cạnh đó, cần phải có các thể chế cụ thể cho việc áp dụng phương pháp phân tích chi phí lợi ích chặt chẽ trong mọi quyết định đầu tư hạ tầng KT - XH.

Cuối cùng, để góp phần hạn chế sự gia tăng chi phí và từng bước chiếm lĩnh thị trường khu vực, thế giới với vị thế của một nước đi sau, CLTC cần phải xác định và có cơ chế phù hợp trong việc phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ, từng bước sở hữu qui trình sản xuất của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, tham gia vào chuỗi sản xuất toàn cầu. Việc chỉ dừng lại ở khâu gia công như

thời gian qua không chỉ hạn chế giá trị gia tăng nhận được trong chuỗi sản xuất kinh doanh toàn cầu, mà khi chi phí nhân công cũng như chi phí hạ tầng cơ sở tăng lên, các lợi thế của đất nước trong việc thu hút FDI giảm dần thì không chỉ khó có thể duy trì nguồn FDI, mà các cơ hội về chuyển giao kinh nghiệm, công nghệ và từng bước chiếm lĩnh thị trường khu vực, thế giới cũng rất hạn chế. CLTC cần phải coi FDI là cầu nối trong việc nâng cao hiệu quả của quá trình hội nhập và phát triển. Cùng với việc sở hữu từng bước các hoạt động FDI hiện hành, cần có cơ chế phù hợp trong việc định hướng, chọn lọc các dự án, chương trình đầu tư FDI, nhằm từng bước hiện đại hóa trình độ KHCN, trình độ quản lý phù hợp với vị trí và các áp lực cạnh tranh của nền kinh tế.



Tiền thuế là của dân,
do dân đóng góp
để phục vụ lợi ích của nhân dân